

Bản án số :35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2020
“V/v ly hôn giữa chị T và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Săng

2 . Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ– Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/20QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và *Quyết định hoãn phiên tòa số:21/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26/6/2020*, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Cao Thị Cẩm T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp 7, xã LT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2.*Bị đơn:* **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 7, xã LT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh

phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ly hôn là do anh T cờ bạc, đánh đập chị, chị khuyên nhiều lần nhưng không T vẫn không sửa đổi nên chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, nay chị không hàn gắn được tình cảm với anh T nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung, Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 25/7/2008, hiện đang sống chung với chị và anh T. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T có cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà để chị và anh T thỏa thuận sau.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/3/2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do lỗi của anh, do anh cờ bạc, nhưng đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Hiện tại anh xác định còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có 01 con chung, Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 25/7/2008 hiện con chung đang sống chung với vợ chồng anh. Nếu ly hôn anh cũng yêu cầu được nuôi con chung và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, để anh và chị T tự thỏa thuận sau.

Nợ chung: Không có .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân thủ pháp luật tụng của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những

người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án :

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị Cẩm T với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Cao Thị Cẩm T được trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 25/7/2008, ghi nhận chị T nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét đến

Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh T sống chung với nhau năm 2008 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và ly hôn được chị T và anh T xác định là lỗi do anh T cờ bạc, nên từ tháng 01 năm 2020 chị T và anh T không còn chung sống với nhau, từ lúc ly thân đến nay cả hai không cải thiện được tình cảm, mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Tòa chị T và anh T xác định, trong thời gian chung sống hai anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 25/7/2008, hiện tại cháu T đang sống chung với chị T, anh T cả

hai đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị T, anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân ly hôn là lỗi của anh T, chính do anh T cờ bạc nên mới dẫn đến hôn nhân giữa chị T và anh T không còn tồn tại, đồng thời con chung của chị T và anh T là cháu gái và việc chị T nuôi con cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tiên. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển tốt về tâm sinh lý và giáo dục nuôi dưỡng con tốt hơn nên tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

[1.3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị T và anh T không yêu cầu giải quyết, để tự thỏa thuận nên không xét đến.

[1.4] *Về nợ chung*: Cả hai bên khai không có nên không xét đến.

[2] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị Cẩm T đối với anh Nguyễn Văn T, chị T được ly hôn với anh T.

2. *Về nuôi con chung*:

Giao con chung Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 25/7/2008 cho chị Cao Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giao dục con chung không ai được cản trở.

Trong thời gian con chung của chị T và anh T chưa tròn 18 tuổi, chị T được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị Cao Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Cao Thị Cẩm T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010635 ngày 26/02/2020 và 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010636 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, vậy chị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Cao Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn Tới được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Tuấn

